Chương 18

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

I. TÀI CHÍNH

1. Tài chính tỉnh Sóc Trăng đến trước ngày tái lập tỉnh (tháng 4-1992)

Trong thời kỳ Pháp thuộc, việc thu, chi ngân sách của tỉnh Sóc Trăng mang bản chất chung của chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương nói chung, Nam Kỳ nói riêng.

Về thu ngân sách, ngoại trừ một số không đáng kể kinh phí từ ngân sách chính phủ thuộc địa trích cho tỉnh, phần lớn ngân sách tỉnh Sóc Trăng đều được hình thành từ nguồn thu tại địa phương như thuế điền, thuế tư ích, thuế hoa lợi từ công điền cho thuê và các khoản khác, trong đó phần đóng góp lớn nhất là thuế ruộng đất. Từ năm 1911 đến năm 1933, ngân sách của tỉnh tăng từ 280.000$ lên 740.000$[1]. Trong những năm 1934 - 1944, do những tác động của tình hình kinh tế, chính trị, nên mức thu ngân sách của Sóc Trăng không ổn định, thậm chí có những năm giảm sút như 1934 - 1936, 1940 - 1944.

Về chi ngân sách, phần lớn khoản chi ngân sách của Sóc Trăng trong thời kỳ Pháp thuộc là chi cho bộ máy cai trị của thực dân Pháp; chi cho đầu tư phát triển không đáng kể, chủ yếu là chi cho kết cấu hạ tầng và thủy lợi.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975), hoạt động tài chính của tỉnh Sóc Trăng gắn liền với những bước thăng trầm của nền kinh tế địa phương thông qua chính sách kinh tế của chính quyền tay sai ở Trung ương và ở địa phương. Nét nổi bật trong hoạt động tài chính tỉnh Sóc Trăng trong thời kỳ này là:

- Sóc Trăng là một tỉnh nghèo, kinh tế - xã hội kém phát triển, do vậy nguồn thu rất hạn chế. Các khoản viện trợ, đặc biệt là viện trợ của đế quốc Mỹ chiếm một tỷ trọng lớn trong ngân sách tỉnh.

- Chi ngân sách của tỉnh chủ yếu cũng chi cho bộ máy cai trị và quân sự

1. Trần Thị Mai: *"Kinh tế tỉnh Sóc Trăng thời Pháp thuộc 1867 - 1945"*, Luận án Tiến sĩ khoa học lịch sử, Thành phố Hồ Chí Minh, 1997, tr. 99.

Bảng 18.1: Thu - chi ngân sách tỉnh Ba Xuyên

Nội dung	Năm 1970	Tháng 1 đến tháng 10-1971
A. Ngân sách xây dựng nông thôn		
1. Thực chi	230.942.140$00	329.407.720$00
2. Trợ cấp ngân sách quốc gia	260.335.900$06	292.577.546$22
B. Ngân sách tỉnh		
1. Thực chi	50.114.452$00	38.801.418$00
2. Trợ cấp ngân sách quốc gia	32.000.000$00	22.500.000$00
3. Thực thu	8.523.981$00	10.248.935$00
C. Ngân sách xã		
1. Thực chi	64.303.447$06	65.555.493$66
2. Trợ cấp ngân sách quốc gia	63.774.248$00	40.099.000$00
3. Thực thu	72.930.418$30	72.027.156$26

Nguồn: Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên, 1971, tr. 64, tài liệu từ Cục Lưu trữ Trung ương II tại Thành phố Hồ Chí Minh.

phục vụ các cuộc chiến tranh của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Bên cạnh đó, các khoản chi cho phát triển kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn 1954 - 1975 cũng được chú ý nhất định, đặc biệt trong những năm 1969 - 1973.

- Đặc điểm nổi bật của thu - chi ngân sách tỉnh Sóc Trăng trong thời kỳ này phản ánh một nền tài chính kém phát triển, nguồn thu ngân sách vẫn chủ yếu từ nông nghiệp và viện trợ, đầu tư cho kinh tế còn thấp. Tình trạng thâm hụt ngân sách hằng năm vẫn phổ biến.

Những số liệu về thu - chi ngân sách tỉnh Ba Xuyên (Sóc Trăng ngày nay) trong 2 năm 1970 - 1971 sẽ chứng minh cụ thể nhận định trên (Bảng 18.1).

Tổng thu cho ngân sách quốc gia tại Ba Xuyên gồm các loại thuế trực thu, trước bạ, gián thu và công quản năm 1970 là: 63.018.905$00 và 10 tháng năm 1971 là: 87.879.508$00. Thu chi tại địa phương rất mất cân đối, do vậy chính phủ phải trợ cấp một khoản ngân sách hằng năm rất lớn.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng (ngày 30-4-1975), hòa chung với khí thế của nhân dân cả nước bắt tay vào xây dựng đất nước hòa bình, hạnh phúc, tỉnh Sóc Trăng (lúc này là Hậu Giang) đã nỗ lực khắc phục những hậu quả do chiến tranh gây ra, đẩy mạnh sản xuất và ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong những năm 1976 - 1985, nền kinh tế tỉnh Sóc Trăng cũng như cả nước vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung với nhiều hạn chế, bên cạnh đó là những khó khăn do chiến tranh để lại, thiên tai ập đến. Do vậy, tốc độ tăng

Bảng18.2: Tổng sản phẩm xã hội tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 1976 - 1985 (theo giá năm 1994)

	1976	1985	Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm (%)
Tổng sản phẩm của tỉnh (triệu VNĐ)	907.437	1.577.764	6,33
Khu vực I	654.133	1.103.947	5,37
Khu vực II	26.412	168.214	22,84
Khu vực III	226.892	305.603	3,36

Nguồn: Tính từ số liệu thống kê của Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng (1976 - 1985).

trưởng kinh tế của Sóc Trăng không cao, chỉ đạt bình quân 6,33%/năm, trong đó khu vực nông - lâm nghiệp, thủy sản tăng 22,84% và khu vực dịch vụ tăng 3,36%[1].

Về thu ngân sách, trong những năm 1976 - 1985, do tình hình kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, nên thu ngân sách và khả năng huy động cho ngân sách từ các nguồn còn rất hạn chế. Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ thu ngân sách năm 1980 chiếm 3,15% GDP của tỉnh và năm 1985 chiếm 6,22% GDP (số liệu của tỉnh Hậu Giang cũ). Đồng thời, cũng trong thời gian này, tỉnh Hậu Giang phải điều tiết từ 35 - 40% tổng thu ngân sách hằng năm về cho ngân sách Trung ương để góp phần giải quyết những khó khăn chung của cả nước.

Về chi ngân sách, với tỷ lệ thu ngân sách còn hạn chế, do vậy việc chi ngân sách của tỉnh chủ yếu tập trung vào việc ổn định và phát triển kinh tế, đồng thời bảo đảm nguồn chi lương, phụ cấp cho bộ máy hành chính của tỉnh. Nhìn chung cơ cấu chi khá hợp lý, phản ánh sự nỗ lực trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh - chính trị của tỉnh trong những năm đầu sau ngày giải phóng và bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Giai đoạn 1986 - 1991 là giai đoạn tỉnh Sóc Trăng cùng với cả nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế trong bối cảnh vô cùng khó khăn, thách thức, nhất là đối với Sóc Trăng - một tỉnh có xuất phát điểm thấp về kinh tế. Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Sóc Trăng và tình hình thu - chi ngân sách của tỉnh thể hiện như sau:

Thứ nhất, công cuộc đổi mới đã thổi luồng sinh khí cho nền kinh tế tỉnh, trước hết là phát triển nông nghiệp. Bên cạnh đó, các thành phần kinh tế cũng bước đầu được khuyến khích phát triển. Những chuyển biến tích cực trong đường lối, chính sách và cơ chế vận hành của nền kinh tế bước đầu được tháo gỡ đã tạo ra những tiền đề cho kinh tế của tỉnh từng bước ổn định và phát triển.

1. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng năm 1976 - 2003* (Lưu hành nội bộ), tháng 9-2004, tr. 16.

Thứ hai, mặc dù đã có những tác động tích cực của đường lối đổi mới của Đảng, nhưng trong bối cảnh chung của nền kinh tế đất nước đang rơi vào khủng hoảng, lạm phát ba con số một năm, hơn nữa do điểm xuất phát của nền kinh tế tỉnh lại quá thấp, do vậy các chỉ tiêu phát triển kinh tế của tỉnh Hậu Giang (cũ) trong giai đoạn này ở mức thấp. Tốc độ tăng GDP bình quân trong các năm từ 1986 đến 1991 (theo giá cố định năm 1994) của tỉnh Hậu Giang chỉ đạt 0,8%, trong đó khu vực I tăng 0,38%, khu vực II tăng 0,77%, khu vực III tăng 2,25%.

Thứ ba, tình hình thu ngân sách của tỉnh trong những năm này vẫn ở mức thấp và rất khó khăn. Theo số liệu thống kê của tỉnh Hậu Giang (cũ)[1] thì năm 1986 tỷ lệ huy động ngân sách của tỉnh chiếm 4,92% GDP. Năm 1991, ở thời điểm trước khi tái lập tỉnh Sóc Trăng, tổng thu ngân sách của tỉnh Sóc Trăng đạt 37,4 tỷ đồng, chiếm 1,86% GDP, trong đó thu từ các xí nghiệp quốc doanh chiếm 6,68% (2,5 tỷ đồng), thuế công thương nghiệp chiếm 35,8% (13,4 tỷ đồng), thuế sử dụng đất nông nghiệp chiếm 57,5% (21,5 tỷ đồng). Như vậy, tỷ lệ huy động ngân sách của tỉnh vẫn chiếm tỷ lệ rất thấp và tỷ trọng thu từ khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao chứng tỏ Sóc Trăng vẫn là một tỉnh nông nghiệp. Điểm tích cực ở đây là tỷ lệ đóng góp cho ngân sách tỉnh từ nguồn thuế công thương nghiệp đã tăng lên, chiếm hơn 1/3 tổng thu ngân sách.

Thứ tư, các khoản chi ngân sách hợp lý hơn so với trước, trong đó chi đầu tư cho phát triển kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư cho y tế, giáo dục tăng đáng kể.

2. Tài chính tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 1992 - 2009

Tài chính của tỉnh qua các giai đoạn phát triển

Giai đoạn 1992 - 1995

Những năm đầu sau khi tái lập tỉnh Sóc Trăng, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh khá cao, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 1992 tăng 3,51%, 1993: 2,64%, 1994: 26,24%, 1995: 19,19% so với năm trước[2]. Như vậy, tốc độ tăng GDP trung bình của tỉnh những năm này là 12,44%. Điều đó phản ánh những hiệu ứng tích cực của công cuộc đổi mới tại tỉnh. Tuy nhiên, sự gia tăng trong tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh chủ yếu là do sự đóng góp của ngành nông nghiệp, trực tiếp là đóng góp của giá trị sản lượng lúa. Năm 1993, sản lượng lúa tỉnh Sóc Trăng đạt 692.321 tấn, năm 1994 đạt 993.005 tấn và năm 1995 đạt 1.088.100 tấn.

Trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế được cải thiện, song cán cân thu - chi ngân sách của tỉnh vẫn mất cân đối. Thu ngân sách của tỉnh năm 1995 đạt 177 tỷ đồng, gấp 3,9 lần so với năm 1992, chi ngân sách năm 1995 là 261,3 tỷ đồng, gấp 3,7 lần năm 1992. Như vậy bội chi ngân sách của tỉnh năm 1995 là 84,3 tỷ

1, 2. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng 1976 - 2003 (Lưu hành nội bộ)*, *Sđd*, tr. 36, tr. 39, 52, 57.

đồng. Trong những năm này, mức trợ cấp của Trung ương để bù đắp cho chi ngân sách của tỉnh chiếm từ 30 - 40% tổng chi ngân sách của địa phương[1].

Sở dĩ có tình trạng bội chi ngân sách trong các năm này là do xuất phát điểm và trình độ phát triển kinh tế của tỉnh còn thấp, do vậy nguồn thu ngân sách còn hạn chế, trong khi nhu cầu chi ngân sách tăng lên để phục vụ cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh.

Giai đoạn 1996 - 2000

Những năm 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Sóc Trăng tiếp tục duy trì ở mức khá cao. GDP của tỉnh năm 1996 tăng 12,35%; năm 1997 tăng 8,63%; năm 1998 tăng 13,31%; năm 1999 tăng 3,99% và năm 2000 tăng 8,45%. Như vậy, tốc độ tăng GDP trung bình hằng năm của tỉnh Sóc Trăng trong những năm này là 9,3% [2].

Trong cơ cấu kinh tế, tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đã tăng nhanh hơn so với khu vực nông nghiệp. Cụ thể là tốc độ tăng trưởng trung bình năm giai đoạn 1996 - 2000 của khu vực I là 7,7%, khu vực II là 15,61% và khu vực III là 10,62%.

Thu ngân sách của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, một số nguồn thu tăng như thuế thu từ doanh nghiệp nhà nước tăng 116,1%; thuế thu từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 28,86%; thuế sử dụng đất nông nghiệp tăng 30,82%; thu từ xổ số kiến thiết tăng 87,29%, v.v.. Tuy nhiên tỷ lệ thu ngân sách trung bình hằng năm của tỉnh vẫn thấp hơn so với nhiều địa phương khác: 6,71% so với 8 - 9% GDP[3].

Đặc điểm nổi bật của chi ngân sách tỉnh trong những năm này là tiếp tục gia tăng, mức bội chi cao do mâu thuẫn giữa khả năng của nguồn thu với nhu cầu chi, đặc biệt là chi xây dựng cơ bản (chi xây dựng cơ bản năm 1992 chiếm 18,91% ngân sách tỉnh, đến năm 1995 chiếm 24,82% ngân sách tỉnh và năm 2000 chiếm 33,59% ngân sách tỉnh).

Do mức bội chi hằng năm cao, nên việc bù đắp cho chi ngân sách của tỉnh vẫn phải dựa vào sự hỗ trợ của Trung ương. Ở một chừng mực nào đó, sự hỗ trợ này là rất cần thiết để tạo điều kiện cho một tỉnh nghèo, trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp từng bước vươn lên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Giai đoạn 2001 - 2005

Những năm đầu thế kỷ XXI, tỉnh Sóc Trăng đã có những nỗ lực rất lớn nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra. Trong 5 năm (2001 - 2005), tốc độ tăng trưởng bình quân GDP đạt 10,25%/năm (kế hoạch từ 9 - 10%). Khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao so với khu vực nông nghiệp: 8,2%; 15%; 12,81%.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực,

1, 2, 3. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: *Số liệu kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng năm 1976 - 2003 (Lưu hành nội bộ), Sđd,* tr. 52, tr. 74 - 75.

Bảng 18.3: Thu - chi ngân sách tỉnh Sóc Trăng 1996 - 2000

(Đơn vị: triệu VNĐ)

Năm	Thu ngân sách trên địa bàn	Chi ngân sách địa phương	Cân đối thu - chi
1996	223.975	324.930	- 100.955
1997	211.435	339.632	- 128.197
1998	262.847	450.481	- 187.634
1999	235.511	455.749	- 220.238
2000	245.038	570.295	- 325.257

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng (1996 - 2000) và TS. Nguyễn Chí Hải tính toán.

Bảng 18.4: Cơ cấu ngành/GDP tỉnh Sóc Trăng 2001 - 2005

Năm/ Khu vực (% GDP)	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
2000	60,03	19,15	20,82
2001	58,25	20,81	20,95
2004	53,88	24,46	21,66
2005	56,98	20,69	22,33

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo "Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2005 và định hướng phát triển giai đoạn 2006 - 2010 tỉnh Sóc Trăng" (Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng).

đó là sự gia tăng tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GDP.

Bảng 18.4 cho thấy, mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh còn rất hạn chế và khá chậm. Đây là nhân tố luôn ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách của tỉnh trong thời gian này.

Trong 5 năm (2001 - 2005), tỷ lệ thu ngân sách duy trì ở mức trên dưới 5% GDP, tuy nhiên tốc độ tăng thu ngân sách bình quân trong năm đạt 18,8%. Năm 2003, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 384 tỷ đồng, đến năm 2005 thu ngân sách của tỉnh đã tăng lên là 583,57 tỷ đồng. Nguồn thu ngân sách chủ yếu vẫn là sự gia tăng trong đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân, tuy nhiên mức đóng góp của khu vực ngoài quốc doanh có xu hướng tăng lên. Bên cạnh đó, nếu xét theo tỷ lệ đóng góp theo ngành thì khu vực II và khu vực III cũng gia tăng khá nhanh, trong khi khu vực I giảm; sự giảm sút về tỷ trọng đóng góp của khu vực nông nghiệp có lý do từ chính sách miễn giảm thuế nông nghiệp của Nhà nước.

Tốc độ chi ngân sách trong 5 năm (2001 - 2005) của tỉnh đạt mức trung bình hằng năm là 14,04%. Cơ cấu chi ngân sách vẫn tập trung nhiều cho xây dựng cơ bản, bên cạnh đó tỉnh đã tăng đầu tư cho giáo dục, văn hóa, y tế, v.v.. Mặc dù tốc độ tăng chi ngân sách thấp hơn so với tăng thu ngân sách (14,04% và 18,82%), song cán cân thu - chi ngân sách của tỉnh vẫn thâm hụt ở mức cao. Riêng năm 2005[1], mức bội chi ngân sách của tỉnh Sóc Trăng là 540 tỷ đồng, chiếm gần 50% tổng chi ngân sách. Điều này, một mặt cho thấy những khó khăn trong việc quản lý ngân sách của tỉnh và áp lực về nguồn tài chính phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; mặt khác cũng cho thấy gánh nặng của ngân sách cho phát triển còn quá lớn, khi mà các nguồn đầu tư tài chính từ nước ngoài tại tỉnh còn rất nhỏ bé.

Tổng nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển của tỉnh Sóc Trăng trong 5 năm (2001 - 2005) đạt 10.589 tỷ đồng, bình quân mỗi năm là 2.118 tỷ đồng. Trong đó:

- Cơ cấu vốn trong nước chiếm 90,66%, vốn bên ngoài chiếm 9,34% tổng số vốn đầu tư.

- Đối với vốn trong nước, tỷ trọng đóng góp từ ngân sách địa phương chiếm 91,97% (1.948 tỷ đồng), vốn tín dụng đầu tư chiếm 2,51%, vốn doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư chiếm 2,67%, vốn từ khu vực doanh nghiệp dân doanh chiếm 26,28%, vốn Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh chiếm 7,32% và vốn đầu tư trong dân cư chiếm 19,53%[2]. Đáng chú ý là trong tổng vốn đầu tư ngân sách do địa phương quản lý, thì tỷ trọng đóng góp hỗ trợ của Trung ương thông qua các mục tiêu kinh tế - xã hội chiếm 26,82%.

Giai đoạn 2006 - 2009

Kinh tế tỉnh Sóc Trăng những năm 2006-2009 tiếp tục có những chuyển biến tích cực, tạo tiền đề cho những thành tựu mới trong lĩnh vực cân đối chi tiêu, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong 4 năm (2006 - 2009), tốc độ tăng trưởng GDP theo giá so sánh của tỉnh luôn đạt trên 10%: năm 2006 tăng 12,86%; năm 2007 tăng 13,45%; năm 2008 tăng 10,23%; năm 2009 tăng 10,11%.

Đáng chú ý là trong 2 năm 2008 - 2009, trong điều kiện chịu những tác động xấu của khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy giảm kinh tế của cả nước, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Sóc Trăng đạt được trên 10%/năm là khá ấn tượng.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh Sóc Trăng trong các năm 2006 - 2009 có sự chuyển dịch tích cực theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời cũng phản ánh những nét đặc thù của một tỉnh với nền kinh tế có thế mạnh về nông nghiệp trong bối cảnh

1. Số liệu chưa đầy đủ của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tháng 1-2006.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: *Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 và định hướng phát triển giai đoạn 2006-2010 tỉnh Sóc Trăng;* tr. 9.

Bảng 18.5: Cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Sóc Trăng (2006 - 2009)

Đơn vị: % GDP (theo giá hiện hành)

Năm	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
2006	54,38	20,94	24,68
2007	54,28	19,87	25,85
2008	56,47	17,15	26,38
2009	54,40	16,92	28,68

Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Số liệu tổng hợp năm 2007 và kế hoạch năm 2008 tỉnh Sóc Trăng (ngày 23-11-2007).

khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Một số chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ước thực hiện năm 2009 và kế hoạch năm 2010 (ngày 20-11-2009).

Qua số liệu tổng hợp ở Bảng 18.5, có thể nhận thấy tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Sóc Trăng như sau:

Tỷ trọng khu vực nông nghiệp vẫn ở mức cao và có xu hướng gia tăng trong các năm 2008, 2009, trong khi khu vực công nghiệp - xây dựng lại giảm liên tục trong 4 năm, từ 20,94% xuống còn 16,92%. Tuy nhiên, tình hình này phù hợp với bối cảnh đất nước bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế; cho thấy tỉnh Sóc Trăng đã biết khai thác các thế mạnh về nông nghiệp nhằm ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Trong 4 năm (2006 - 2009), khu vực dịch vụ trong GDP của tỉnh Sóc Trăng đã tăng lên liên tục, từ 24,68% năm 2006, lên 28,68% năm 2009. Đây là điểm sáng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Sóc Trăng, cho thấy các ngành kinh tế dịch vụ trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Về thu ngân sách, trong 4 năm (2006 - 2009), tỉnh Sóc Trăng tiếp tục đạt được những kết quả khả quan cả về số lượng thu và cơ cấu thu ngân sách.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2006 đạt 868 tỷ đồng, năm 2007 đạt 1.087 tỷ đồng, năm 2008 đạt 1.204 tỷ đồng, năm 2009 ước đạt 1.118,4 tỷ đồng. Phân tích cơ cấu thu ngân sách nhà nước (thu nội địa) trong 3 năm (2006 - 2008) cho thấy những tiến bộ đáng kể trong phát triển kinh tế của tỉnh.

Bảng 18.6 cho thấy nguồn thu từ hoạt động kinh tế (chủ yếu thông qua các loại thuế) trên địa bàn tỉnh tăng đều qua các năm, đặc biệt là các khoản thu từ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp.

Về chi ngân sách, nhằm đáp ứng yêu cầu chi đầu tư phát triển và từng

Bảng 18.6: Thu ngân sách nhà nước (thu nội địa) tỉnh Sóc Trăng

Đơn vị: triệu VNĐ

	2006		2007		2008	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng số thuế thu được trên địa bàn Trong đó:	733.462	100	766.438	100	840.500	100
- Thuế giá trị gia tăng (VAT)	203.217	27,7	255.610	33,35	278.654	33,15
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.972	8,58	83.105	10,80	116.550	13,87
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.354	8,90	70.712	9,20	91.660	10,90
- Thuế môn bài	7.148	0,97	7.738	1,00	7.576	0,90
- Lệ phí trước bạ	27.634	3,80	31.019	4,05	34.700	4,13
- Thuế nhà đất	1.606	0,22	1.978	0,26	2.800	0,33
- Thuế thu nhập cá nhân	12.467	1,70	13.469	1,76	20.300	2,40

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Sóc trăng: *Niên giám thống kê kinh tế tỉnh Sóc Trăng năm 2008, 2009*, tr. 81, tr. 83.

Bảng 18.7: Chi cân đối ngân sách nhà nước tỉnh Sóc Trăng

(Đơn vị: triệu VNĐ)

	2006		2007		2008	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Chi cân đối ngân sách Nhà nước	**1.852.475**	**100**	**2.136.717**	**100**	**2.883.631**	**100**
1. Chi đầu tư phát triển	638.643	34,5	674.969	31,58	574.085	19,91
2. Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư	83.425	4,5	153.995	7,21	95.523	3,31
3. Chi thường xuyên	898.10	48,5	1.083.482	50,71	1.134.318	45,58
4. Chi lập, bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	0,06	1.000	0,046	1.000	
5. Chi chuyển nguồn	80.068	4,30	186.956	8,75	423.209	14,67

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Sóc trăng: *Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng 2008, 2009*, tr. 82 - 83, tr. 84 - 85.

bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, trong 4 năm (2006 - 2009) tổng chi ngân sách của tỉnh Sóc Trăng đã gia tăng nhanh chóng, năm 2006: 1.983,40 tỷ đồng, năm 2007: 2.425,7 tỷ đồng, năm 2008: 2.571 tỷ đồng. Dưới đây là những thông tin về chi cân đối ngân sách nhà nước của tỉnh Sóc Trăng trong 3 năm (2006 - 2008).

Bảng 18.7 cho thấy, các khoản chi cho sự nghiệp kinh tế, giáo dục và chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng lớn trong chi cân đối ngân sách và quy mô ngày càng tăng.

Bảng 18.8: Thu - chi ngân sách tỉnh Sóc Trăng (2006 - 2009)

Đơn vị: tỷ VNĐ

Năm	Tổng thu ngân sách	Tổng chi ngân sách	Chênh lệch
2006	868	1.983,4	- 1.115,40
2007	1.087	2.425,7	- 1.338,70
2008	1.204	2.571,0	- 1.367,00
2009	1.118,4	3.573,9	- 2455,50

Nguồn: Tính toán từ Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tình hình kinh tế - xã hội các năm 2006, 2007, 2008, 2009.

Cân đối thu - chi ngân sách, mặc dù nguồn thu ngân sách được gia tăng trong các năm, song do nhu cầu chi tiêu, đặc biệt là các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản ngày càng tăng, nên mức bội chi ngân sách của tỉnh Sóc Trăng trong những năm 2006 - 2009 vẫn ở mức cao.

3. Nhận xét chung

Đánh giá về tình hình hoạt động tài chính của tỉnh Sóc Trăng, đặc biệt từ khi tái lập tỉnh năm 1992, có thể rút ra những đặc điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, ngành tài chính và các hoạt động tài chính của tỉnh Sóc Trăng trong thời kỳ đổi mới đã nhanh chóng đi vào quỹ đạo của nền kinh tế thị trường có sự kiểm soát, điều tiết của Nhà nước. Các quy luật kinh tế, thu - chi ngân sách của tỉnh đã được thực hiện trên cơ sở hạch toán, cân đối kế hoạch, cân đối thu - chi, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo động lực cho công cuộc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ hai, hoạt động tài chính của tỉnh từ ngày tái lập tỉnh Sóc Trăng (năm 1992) đến nay đã có những chuyển biến quan trọng và tích cực, gắn với những thành tựu kinh tế của tỉnh. Thu ngân sách của tỉnh đã tăng nhanh cả về quy mô và tốc độ; cơ cấu nguồn thu, cách thức và nghiệp vụ thu ngân sách ngày càng được cải thiện. Chi ngân sách của tỉnh đã phục vụ tốt yêu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự chuyển dịch trong cơ cấu của nền kinh tế; cơ cấu chi ngân sách phản ánh rõ các quan điểm, mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ ba, bên cạnh hoạt động thu - chi ngân sách, các hình thức huy động vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ngày càng được quan tâm phát triển, đó là các nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong nước và nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ của Trung ương về nguồn vốn đầu tư đối với một tỉnh nghèo, có xuất phát điểm thấp, nhằm tạo lập những cơ sở, nền tảng ban đầu cho nền kinh tế, đặc biệt là hệ thống kết cấu hạ tầng, là rất cần thiết và có ý nghĩa to lớn.

Thứ tư, cơ cấu tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, nhân viên của ngành tài chính tỉnh từng bước hoàn thiện và trưởng thành. Đó là điều kiện, tiền đề quan trọng để ngành tài chính tỉnh hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Thứ năm, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, ngành tài chính và các hoạt động tài chính của tỉnh Sóc Trăng cũng đang bộc lộ những khó khăn và thách thức không nhỏ, đó là:

- Sóc Trăng vẫn là một tỉnh có nền kinh tế kém phát triển, nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong GDP, kinh tế thị trường chưa phát triển, do vậy nguồn thu cho ngân sách còn hạn chế. Đây là khó khăn lớn trong việc huy động nguồn vốn cho sự phát triển, trong khi để phát triển kinh tế - xã hội thì nhu cầu về vốn là rất lớn.

- Nền kinh tế Sóc Trăng hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào phát triển nông nghiệp, trong khi đó các ngành có giá trị gia tăng cao như công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển, do vậy việc xây dựng nền kinh tế theo cơ cấu mở còn hạn chế, đầu tư nước ngoài chỉ chiếm dưới 10% tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh. Đó là gánh nặng trong việc chi tiêu ngân sách của tỉnh khi mà nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp và chủ yếu dựa vào nguồn vốn đầu tư trong nước.

- Cán cân thu - chi ngân sách của tỉnh còn bội chi rất lớn, trên dưới 50%; hằng năm nguồn chi ngân sách của tỉnh phải dựa vào sự hỗ trợ từ ngân sách của Trung ương, do vậy Sóc Trăng cho đến nay vẫn là tỉnh nghèo ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy và các định chế hoạt động tài chính của tỉnh đã được hình thành và từng bước hoàn thiện. Tuy nhiên, ngành tài chính của tỉnh vẫn đang đứng trước những bất cập, thách thức không nhỏ trong quá trình phát triển, đó là tính chuyên nghiệp của bộ máy công quyền, năng lực hoạch định chiến lược và quyết định đầu tư tài chính, các hình thức, biện pháp quản lý và huy động ngân sách, khả năng mở rộng thị trường tài chính của tỉnh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghiên cứu quá trình hoạt động và trưởng thành của ngành tài chính tỉnh Sóc Trăng có thể rút ra những bài học kinh nghiệm và quan điểm phát triển trong thời gian tới, đó là:

Thứ nhất, hoạt động tài chính là một bộ phận cấu thành trong cơ cấu của nền kinh tế, trong đó chức năng chủ yếu của nó là sử dụng công cụ chi tiêu ngân sách để điều tiết nền kinh tế, tham gia vào thị trường vốn và hoạt động đầu tư trong nền kinh tế. Do vậy, hoạt động tài chính của tỉnh vừa tuân theo quy luật thị trường, vừa là công cụ điều tiết vĩ mô quan trọng của nhà nước. Mọi hoạt động tài chính phải tuân thủ và sử dụng đầy đủ quy luật này.

Thứ hai, để gia tăng nguồn thu ngân sách, yếu tố cốt lõi là phải tạo nguồn thu thông qua chính sách kích thích đầu tư của các thành phần kinh tế. Do vậy, các biện pháp thu hút đầu tư trong và ngoài nước của tỉnh sẽ tác động trực tiếp đến nguồn thu ngân sách của tỉnh trong thời gian tới. Bên cạnh đó, việc

chi tiêu ngân sách sẽ đóng vai trò quyết định trong hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo giá trị gia tăng và nguồn thu mới, đồng thời chi ngân sách cũng tạo tiền đề để nền kinh tế phát triển.

Thứ ba, nguyên tắc cơ bản trong thu - chi ngân sách là phải gia tăng cả về quy mô và sự cân đối ngân sách. Thời gian tới tỉnh sẽ phải giải quyết được mâu thuẫn giữa khả năng thu ngân sách và nhu cầu đầu tư, giảm dần việc dựa vào sự hỗ trợ của ngân sách Trung ương.

Thứ tư, hệ thống tài chính của tỉnh cần phải hoàn thiện theo hướng gọn nhẹ, chuyên nghiệp, hiệu quả; tham gia tích cực vào thị trường vốn trong nước và khu vực.

Thứ năm, cùng với sự vươn lên của nền kinh tế đất nước, các hoạt động tài chính của tỉnh phải từng bước tham gia vào hoạt động bảo hiểm xã hội đối với người thất nghiệp, người tàn tật, xây dựng các công trình phúc lợi, v.v. để thực hiện tốt chính sách xã hội. Bên cạnh đó, công cụ thuế cần phải được hoàn thiện cả về thể chế lẫn chính sách để phát huy tốt chức năng, vai trò của thuế đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ sáu, bộ máy ngành tài chính, đặc biệt ngành thuế phải tiếp tục hoàn thiện vững mạnh, nâng cao hiệu lực quản lý của ngành theo hướng hiện đại, hiệu quả.

Thứ bảy, cần mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, qua đó tranh thủ các nguồn FDI từ nước ngoài, tranh thủ các nguồn viện trợ ODA, NGO để thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm bớt gánh nặng chi ngân sách của địa phương.

II. NGÂN HÀNG

1. Hoạt động của hệ thống ngân hàng tỉnh Sóc Trăng đến trước ngày tái lập tỉnh (tháng 4-1992)

1.1. Thời Pháp thuộc

Năm 1875, Ngân hàng Đông Dương được thực dân Pháp thành lập để làm chức năng ngân hàng Trung ương (thực chất là do Ngân hàng Trung ương Pháp kiểm soát), đồng thời cũng là ngân hàng trung gian ở Đông Dương.

Ở tỉnh Sóc Trăng thời kỳ này, hoạt động ngân hàng hầu như chưa phát triển và phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống ngân hàng của người Pháp đặt tại Sài Gòn.

1.2. Thời kỳ 1954 - 1975

Hệ thống ngân hàng hai cấp ở miền Nam phát triển khá mạnh, trong đó các ngân hàng kinh doanh phát triển với nhiều chi nhánh ở các địa phương như Ngân hàng Thương Tín, Ngân hàng Nông nghiệp, v.v.. Tuy nhiên, do Sóc Trăng là một tỉnh có nền kinh tế còn kém phát triển nên hoạt động của hệ thống ngân hàng và các hoạt động đầu tư, kinh doanh tiền tệ còn kém phát triển.

Tại thời điểm năm 1971, trên địa bàn tỉnh Ba Xuyên (tỉnh Sóc Trăng ngày nay) có bốn ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế của tỉnh. Số tiền các ngân hàng này đã cho các doanh nghiệp và cá nhân vay trong hai năm 1970 và 1971 như Bảng 18.9 thể hiện.

Bảng 18.9: Số tiền cho vay của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Ba Xuyên

Đơn vị tính: $

STT	Ngân hàng	Năm	
		1970	1971
1	Việt Nam Thương Tín	1.325.000.000	1.265.036.000
2	Ngân hàng Nông nghiệp	233.665.400	368.444.546
3	Pháp quốc Thương mại Ngân hàng	58.336.000	95.931.000
4	Mêkông Ngân hàng	Mới thành lập	

Nguồn: Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên, 1971, tr. 63.

1.3. Thời kỳ 1975 - 1991

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), hoạt động của hệ thống ngân hàng ở miền Nam nói chung và tỉnh Sóc Trăng nói riêng đã có những thay đổi lớn.

Hệ thống ngân hàng được cải tổ cơ bản, theo đó ngày 6-6-1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra Nghị định số 04/PCT-75 về việc thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Ngân hàng Quốc gia được thành lập với nhiệm vụ "cải tổ hệ thống ngân hàng cũ, xây dựng Ngân hàng Nhà nước, tổ chức thực hiện và quản lý tập trung, thống nhất về mặt nhà nước các chính sách phát hành tiền tệ, tín dụng; quản lý ngân sách nhà nước, quản lý ngoại tệ, quản lý kim loại quý và thanh toán quốc tế". Năm 1975, Chi nhánh Ngân hàng Quốc gia Việt Nam tỉnh Hậu Giang được thành lập. Đây là hệ thống ngân hàng một cấp, đặc trưng cho thời kỳ thực hiện mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở Việt Nam.

Trong hai năm 1975 - 1976, Chi nhánh Ngân hàng Quốc gia Việt Nam tỉnh Hậu Giang đã tham gia tích cực vào công cuộc khôi phục nền kinh tế, cải tạo hệ thống tiền tệ, cải tạo tư sản công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Tháng 9-1975, theo chỉ đạo chung của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Quốc gia Việt Nam tỉnh Hậu Giang đã thực hiện thành công cuộc đổi tiền lần thứ nhất: 1 đồng tiền "Ngân hàng Quốc gia Việt Nam" bằng 500 đồng tiền cũ (tiền thời kỳ chính quyền Sài Gòn). Lúc này tỷ giá đồng tiền của hai miền là một đồng tiền miền Bắc = 0,66 đồng tiền miền Nam.

Đến tháng 7-1976, Chi nhánh Ngân hàng Quốc gia Việt Nam tỉnh Hậu Giang được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh Hậu Giang. Từ đây hệ thống ngân hàng miền Nam nói chung và tỉnh Hậu Giang nói riêng

đã thống nhất với hệ thống ngân hàng chung của cả nước.

Giai đoạn 1976 - 1985, hệ thống ngân hàng tỉnh Hậu Giang đã có những nỗ lực lớn trong việc thực hiện chức năng quản lý, điều tiết nền kinh tế, trước hết là ổn định tiền tệ và quản lý vay - nợ. Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng thì hoạt động của hệ thống ngân hàng tỉnh thời gian này đã đạt được kết quả như sau:

- Về thu - chi tiền mặt qua ngân hàng: năm 1985 thu tiền mặt đạt 805,4 triệu đồng, tăng gấp 14,15 lần năm 1976; năm 1985 chi tiền mặt đạt 799,8 triệu đồng, tăng gấp 13,6 lần so với năm 1976. Nhìn chung, thu - chi tiền mặt qua ngân hàng mỗi năm đều tăng.

- Về cho vay của Ngân hàng nhà nước tỉnh: doanh số cho vay ngắn hạn năm 1985 tăng gấp 82,72 lần so với năm 1976 (đạt 1.621,3 triệu đồng), trong đó dư nợ ngắn hạn là 170,5 triệu đồng (đã quy đổi sau khi đổi tiền tháng 8-1985); doanh số cho vay trung và dài hạn năm 1985 tăng gấp 36,37 lần so với năm 1976 (đạt 19,9 triệu đồng), dư nợ trung hạn đến cuối năm 1985 là 24,8 triệu đồng.

Đặc điểm hoạt động cho vay của Ngân hàng Nhà nước tỉnh trong những năm này là tỷ lệ cho vay trung và dài hạn chỉ chiếm 1,22% trong tổng số vốn cho vay. Bên cạnh đó, vốn vay chưa đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh; việc quản lý vốn còn mang nặng tính bao cấp, hiệu quả kinh doanh thấp, chưa tạo ra động lực để kích thích các hoạt động của nền kinh tế.

Giai đoạn 1986 - 1991: Bước ngoặt của ngành ngân hàng Việt Nam nói chung và của tỉnh Hậu Giang nói riêng là sự ra đời của Nghị định số 53-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 26-3-1988 về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam hoạt động tuân theo chức năng của hệ thống ngân hàng hai cấp: Ngân hàng Trung ương với các chi nhánh và các ngân hàng trung gian, ngân hàng thương mại. Sự cải tổ của hệ thống ngân hàng đã giúp cho ngành ngân hàng tỉnh Sóc Trăng thực sự tham gia vào thị trường tiền tệ, thực hiện chức năng kinh doanh, làm cầu nối giữa tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế. Kết quả hoạt động của ngành ngân hàng tỉnh Sóc Trăng trong thời gian này là:

- Về thu - chi tiền mặt qua ngân hàng đã tăng lên và đáp ứng nhu cầu kinh doanh của các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế. Năm 1991 thu tiền mặt qua ngân hàng đạt 120.256 triệu đồng, so với năm 1986 là l3.693,6 triệu đồng; tương ứng với thời gian này chi tiền mặt qua ngân hàng là 119.571 triệu đồng và 3.704,3 triệu đồng[1].

- Về cho vay, doanh số cho vay năm 1986 đạt 6.336 triệu đồng, năm 1991 đạt 6.117 triệu đồng. Nhìn chung doanh số cho vay của ngành ngân hàng tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu kinh doanh; trong cơ cấu cho vay, cho vay trung và dài hạn chỉ chiếm chưa

1. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng 1976 - 2003 (Lưu hành nội bộ), Sđd,* tr. 37.

tới 10% tổng vốn cho vay của ngành ngân hàng[1].

Các hình thức nghiệp vụ ngân hàng như hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt; công tác kế toán, kiểm toán các hoạt động kinh tế; quản lý và điều tiết tiền mặt theo chỉ đạo của ngành, v.v. đã được Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh từng bước thực hiện nền nếp, chuyên nghiệp.

2. Hoạt động của hệ thống ngân hàng tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 1992 - 2009

Sau khi tái lập tỉnh, hệ thống ngân hàng tỉnh Sóc Trăng đã được cơ cấu lại với ba chi nhánh ngân hàng nhà nước, đó là:

- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động của hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh.

- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, gồm một hội sở và bảy chi nhánh ở bảy huyện, với chức năng kinh doanh tiền tệ, mà khách hàng chủ yếu là nông dân và các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư và diêm nghiệp.

- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh với một hội sở, có chức năng kinh doanh tiền tệ mà chủ yếu là cho vay trung và dài hạn.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng tăng lên của nền kinh tế tỉnh, hệ thống ngân hàng tỉnh Sóc Trăng cũng từng bước mở rộng và hoàn thiện.

Tính đến năm 2005, hệ thống ngân hàng tỉnh bao gồm các cơ sở như:

- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh;

- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm 1 hội sở và 11 chi nhánh trực thuộc;

- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển;

- Chi nhánh Ngân hàng phục vụ người nghèo (hoạt động ghép với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)[2].

- Chi nhánh Ngân hàng Công thương Sóc Trăng trực thuộc Ngân hàng Công thương Cần Thơ.

- Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Cần Thơ - Chi nhánh cấp 2 Sóc Trăng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phú Tâm.

- Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long.

- Chi nhánh Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương.

- 13 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Với hệ thống ngân hàng được thành lập và đi vào hoạt động khá hoàn chỉnh, ngành ngân hàng tỉnh Sóc Trăng thời kỳ này đã đạt được nhiều kết quả và thành tựu quan trọng, góp phần vào sự

1. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng 1976 - 2003 (Lưu hành nội bộ), Sđd,* tr. 37.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội (năm 2004).

phát triển kinh tế và ổn định, cải thiện tình hình xã hội của tỉnh. Dưới đây là những kết quả cụ thể:

Về hoạt động tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng

Trong 10 năm (1992 - 2001), tổng doanh số thanh toán qua hệ thống ngân hàng tỉnh đạt 55.520 tỷ đồng, trong đó doanh số thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng tăng, từ 12,7% năm 1992 lên 24,2% năm 2000 và 37,7% năm 2001. Đến năm 2005, tổng doanh số thanh toán qua hệ thống ngân hàng tỉnh đạt 65.000 tỷ đồng, trong đó thanh toán không dùng tiền mặt chiếm 54,5%.

Nhìn chung hoạt động tiền mặt và thanh toán của hệ thống ngân hàng tỉnh ngày càng tiến bộ, nhờ tỷ trọng thanh toán không dùng tiền mặt tăng dần nên mức bội chi tiền mặt của tỉnh cũng giảm dần. Năm 2001, tỉnh đã có bội thu về tiền mặt.

Về nguồn vốn huy động tại chỗ

Nguồn vốn huy động tại chỗ đã tăng liên tục qua các năm, từ mức 15,9 tỷ đồng năm 1992, tăng lên 482,5 tỷ đồng năm 2001 và 1.765,3 tỷ đồng năm 2005. Qua đó, mức tự túc vốn tại chỗ của tỉnh đã tăng từ 16,7% năm 1993 lên 32,9% năm 2001 và 40,2% năm 2005.

Về hoạt động tín dụng

Cùng với nguồn vốn tại chỗ, kết hợp với hệ thống Ngân hàng Trung ương hỗ trợ, các tổ chức tín dụng của tỉnh Sóc Trăng đã đáp ứng yêu cầu đầu tư, phát triển trên địa bàn tỉnh, cụ thể như:

Bảng 18.10: Cơ cấu đầu tư tín dụng của các tổ chức tín dụng (1992 - 2005)

(Giá so sánh)

	1992		2001		2005	
	GDP	Tỷ trọng cơ cấu tín dụng	Cơ cấu GDP	Cơ cấu tín dụng	Cơ cấu GDP	Cơ cấu tín dụng
Tổng số (tỷ VNĐ)	**1.268**	**95**	**4.343**	**1.468**	**6.722,522**	**4.385,4**
Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp (%)	71,3	72,5	63,7	54,7	56,98	35,23
Khu vực công nghiệp - xây dựng (%)	10,5	11,7	17,3	31,5	20,69	31,34
Khu vực dịch vụ (%)	18,2	15,8	19	13,8	22,33	33,43

Nguồn: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng: Báo cáo tổng kết 10 năm (1992 - 2001) hoạt động ngân hàng tỉnh Sóc Trăng.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng: Báo cáo tổng kết hoạt động Ngân hàng Nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2005.

- Trong 10 năm (1992 - 2001), tổng doanh số cho vay của các tổ chức tín dụng trong tỉnh đạt 11.716,7 tỷ đồng vốn ngắn hạn và 1.090,4 tỷ đồng vốn trung hạn và dài hạn. Mức dư nợ của hệ thống ngân hàng trong tỉnh đã tăng từ 92 tỷ đồng năm 1992 lên 1468,3 tỷ đồng năm 2001, tức gấp 15 lần trong vòng 10 năm.

- Năm 2005, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đã cho vay đạt 9.455,3 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2004; mức dư nợ toàn tỉnh là 4.385,4 tỷ đồng, trong đó dư nợ trung và dài hạn chiếm tỷ trọng 27,9%.

Những nỗ lực trong hoạt động tín dụng nêu trên đã góp phần duy trì mức tăng trưởng GDP của tỉnh đạt trung bình trên 11%/năm, năm 2005 đạt mức 12,78%.

Cơ cấu tín dụng của tỉnh thời kỳ này cũng đã có những thay đổi tích cực, phản ánh những chuyển biến tích cực của nền kinh tế tỉnh, theo đó tỷ trọng cho vay tín dụng đối với khu vực công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng lên.

Những số liệu trên cho thấy, cơ cấu tín dụng của các tổ chức tín dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh đã chuyển dịch phù hợp với cơ cấu phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nền kinh tế tỉnh Sóc Trăng (Bảng 18.10).

Về công tác quản lý ngoại hối

Tính đến năm 2005, toàn tỉnh Sóc Trăng có 9 đơn vị có các tài khoản ngoại tệ hoạt động với tổng thu ngoại tệ là 385.655.850USD, đã bán cho ngân hàng là 382.340.247USD. Việc thu đổi ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh chủ yếu cho khách vãng lai. Năm 2005, doanh số đổi ngoại tệ là 24.053.001USD và doanh số bán ngoại tệ là 2.115.197USD. Cũng năm 2005, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã chi trả kiều hối cho người thụ hưởng là 9.830.242,57USD và 57,01 tỷ đồng, so với năm 2004 tăng 8.053.590USD.

Nhìn chung, công tác quản lý ngoại hối ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngoại tệ và kinh doanh của nhân dân và các doanh nghiệp.

Giai đoạn 2006 - 2009, hoạt động của hệ thống tín dụng ngân hàng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã có bước phát triển mới, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tỉnh.

Tính đến năm 2009, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, ngoài Ngân hàng Nhà nước, Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, có 8 chi nhánh ngân hàng thương mại, 3 phòng giao dịch, 12 tổ chức tín dụng cơ sở và một chi nhánh Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương. Cụ thể như:

- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội;

- Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam;

- Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam;

Bảng 18.11: Cho vay và dư nợ tín dụng trung và dài hạn

Đơn vị:triệu VNĐ

	2006		2007		2008	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
A. Tổng cho vay	**785.406**	**100**	**1.608.630**	**100**	**2.140.547**	**100**
Phân theo thành phần kinh tế						
- Nhà nước	20.384	2,60	72.014	4,48	99.379	4,60
- Tập thể	120	0,01	1.217	0,08	-	-
- Tư nhân	196.400	25,01	454.020	28,22	1.157.599	54,08
- Cá thể	568.502	72,38	1.081.379	67,22	883.569	41,27
B. Tổng số dư nợ	**1.341.987**	**100**	**1.911.148**	**100**	**2.294.451**	**100**
1. Phân theo thành phần kinh tế						
- Nhà nước	85.761	6,39	78.997	4,13	175.424	7,65
- Tập thể	670	0,05	1.515	0,08	426	0,02
- Tư nhân	296.814	22,12	466.803	24,42	501.433	21,85
- Cá thể	958.742	71,44	1.363.833	71,36	1.617.168	70,48
2. Phân theo khu vực kinh tế						
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	570.853	42,54	640.247	33,5	855.629	37,29
- Công nghiệp và xây dựng	218.130	16,25	610.303	31,93	658.224	28,69
- Dịch vụ	553.004	41,21	660.598	34,57	780.598	34,02

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng 2008, tr. 84.

- Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long;

- Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín;

- Sở giao dịch Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín;

- Phòng giao dịch Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông;

- Phòng giao dịch Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương;

- Phòng giao dịch Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á;

- Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương và 12 tổ chức tín dụng cơ sở.

Bảng 18.12: Cho vay và dư nợ tín dụng ngắn hạn

Đơn vị: triệu VNĐ

	2006		2007		2008	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
A. Tổng cho vay	***12.344.759***		***18.873.166***		***24.237.510***	
B. Tổng số dư nợ *Phân theo thành phần kinh tế*	***3.766.719***	***100***	***6.312.458***	***100***	***7.125.564***	***100***
- Nhà nước	146.954	3,9	178.510	2,83	260.943	3,66
- Tập thể	3.504	0,09	8.606	0,014	14.043	0,2
- Tư nhân	1.711.656	45,44	3.541.445	56,10	4.104.949	57,61
- Cá thể	1.904.605	50,57	2.583.897	40,93	2.745.629	38,53
Phân theo khu vực kinh tế						
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.263.919	33,56	1.452.247	23,01	1.773.951	24,89
- Công nghiệp và xây dựng	1.377.613	36,57	2.646.305	41,92	2.784.438	39,08
- Dịch vụ	1.125.187	29,87	2.213.906	35,07	2.567.275	36,03

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng 2008, tr. 85.

Nếu năm 2007, tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 3.100 tỷ đồng, doanh số cho vay 15.754,6 tỷ đồng; tổng dư nợ 7.654,38 tỷ đồng, trong đó nợ xấu chiếm 3,5% tổng dư nợ[1]; thì đến cuối năm 2009, tổng số huy động vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt 6.101 tỷ đồng (tăng 96,8%), doanh số cho vay đạt 20.879 tỷ đồng (trong đó cho vay ngắn hạn chiếm 92%); tổng dư nợ đạt 10.711 tỷ đồng, trong đó nợ xấu chiếm 6,14%[2]. Như vậy, hoạt động kinh doanh của hệ thống tín dụng trên địa bàn tỉnh đã có bước tiến vượt bậc chỉ trong vòng 2 năm.

Cơ cấu hoạt động tín dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng 3 năm (2006 - 2008) cũng đã có bước tiến bộ mới.

Từ Bảng 18.11 và Bảng 18.12, có thể rút ra các nhận xét:

- Từ năm 2006 đến năm 2008, tổng cho vay tín dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã tăng gấp đôi, trong đó vay ngắn hạn luôn chiếm tỷ lệ cao, năm 2006: 94,02%, năm 2007: 92,15%, năm 2008: 91,88%.

- Trong cơ cấu cho vay và dư nợ tín dụng, tỷ trọng của khu vực kinh tế tư nhân ngày càng gia tăng, cho thấy thành phần kinh tế tư nhân có vai trò ngày càng lớn trong đầu tư và phát

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh năm 2007 và kế hoạch năm 2008.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh năm 2009 và kế hoạch năm 2010.

triển kinh tế tỉnh Sóc Trăng. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng nhỏ trong vay nợ tín dụng, năm 2006 chiếm 2,6% tỷ trọng vay nợ tín dụng trung và dài hạn, năm 2007 là 4,48% và năm 2008 là 4,62%.

- Tổng dư nợ tín dụng trong nền kinh tế tỉnh xét theo ngành kinh tế cho thấy dư nợ tín dụng khu vực công nghiệp và dịch vụ có tỷ trọng ngày càng tăng, trong khi dư nợ tín dụng trong khu vực nông nghiệp có xu hướng giảm xuống. Điều này cho thấy, cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch đúng hướng qua cơ cấu đầu tư tín dụng.

3. Nhận xét chung

Thực tế phát triển của ngành ngân hàng tỉnh Sóc Trăng qua các thời kỳ, đặc biệt là từ khi tái lập tỉnh đến nay có thể rút ra một số điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, hệ thống ngân hàng của tỉnh đã từng bước được xây dựng phù hợp với cơ chế thị trường bao gồm Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh với chức năng quản lý, điều tiết và các ngân hàng kinh doanh khá đa dạng bao gồm các ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư phát triển, các quỹ tín dụng nhân dân, v.v..

Thứ hai, hoạt động của ngành ngân hàng tỉnh ngày càng đi vào chuyên nghiệp, đội ngũ cán bộ, công nhân viên ngày càng trưởng thành, các hình thức nghiệp vụ ngân hàng ngày càng được hiện đại hóa, do vậy ngành ngân hàng đã đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, chính trị của tỉnh.

Thứ ba, bên cạnh hoạt động, quản lý, điều tiết và kinh doanh, hệ thống ngân hàng tỉnh Sóc Trăng đã bước đầu đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ vốn cho công tác xã hội, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ học sinh, sinh viên trong vay vốn học tập. Sự ra đời của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đã đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Thứ tư, cơ cấu đầu tư tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã phản ánh yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh với hai con số/năm trong suốt hơn mười năm qua.